UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG DẦU GIÂY**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:6478/TTr-UBND	*Dầu Giây, ngày 07 tháng 9 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường Dầu Giây

Kính gửi: Hội đồng nhân dân phường Dầu Giây

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Ủy ban nhân dân phường kính trình Hội đồng nhân dân phường Dự thảo nghị quyết của HĐND phường quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường Dầu Giây như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật quy định:

"Bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển…"; "Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng pháp luật được thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động".

Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

"Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây:

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản;

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.".

Khoản 1, 2 Điều 22 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định HĐND cấp xã ban hành nghị quyết để quy định: *"2. Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết để quy định: a) Những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao; b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế -xã hội ở địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định: a) Những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao; b) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp."*

2. Cơ sở thực tiễn

Định mức chi trong công tác xây dựng văn bản QPPL trước đây được áp dụng theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND thành phố Đồng Nai ngày 15/5/2026 Quy định nội dung chi, mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai, theo đó quy định mức chi đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND các cấp.

Ngày 06/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, theo đó quy định mức chi tham chiếu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản (đối với tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp xã, Quyết định của UBND cấp xã đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 197/2025/QH15).

Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026, Hội đồng nhân dân phường đã ban hành 02 Nghị quyết, UBND phường đã ban hành 08 Quyết định. Các cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng còn 02 Nghị quyết, 02 Quyết định chưa thực hiện thanh toán do chưa có mức chi xây dựng VBQPPL của UBND phường.

Từ các căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND phường quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường Dầu Giây là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

a) Kịp thời thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật được đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Quy định cụ thể tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường bảo đảm phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Bảo đảm tính khả thi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

c) Bảo đảm tiến độ, chất lượng, thời hạn trình văn bản theo đúng quy định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân phường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định, gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Bố cục của Nghị quyết quy định, gồm 09 điều.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung chính của dự thảo

3.1. Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường

1. Trường hợp xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp phường là 10.000.000 đồng/01 văn bản.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp phường là 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Trường hợp xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

3.2. Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ....tháng năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường dầu Giây khóa I, kỳ họp thứ … thông qua ngày tháng năm 2026.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH

1. Về nhân lực

Trên cơ sở biên chế hiện có, các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện, không làm phát sinh thêm nhân lực.

2. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở thẩm quyền ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, kinh phí bổ sung dự toán là:

- 02 Nghị quyết x 10.000.000đ/Nghị quyết = 20.000.000đ.
- 08 Quyết định x 8.000.000đ/Quyết định = 46.000.000đ.

Sau khi Nghị quyết được thông qua, UBND phường sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định.

3. Thời gian dự kiến trình HĐND xã thông qua Nghị quyết

Kỳ họp chuyên đề giữa năm 2026. Kèm theo Tờ trình:

- *Dự thảo Nghị quyết của HĐND phường;*
- *Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị;*
- *Báo cáo thẩm định của Ban Kinh tê ngân sách Hội đồng nhân dân phường.*

UBND phường kính trình HĐND phường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các Đại biểu HĐND phường;
- Chánh, P.CVP HĐND và UBND phường;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

Ký bởi: Nguyễn Bằng Lương
Cơ quan: ỦY

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG DẦU GIÂY T.P ĐỒNG NAI

Mai Văn Hiền